

Số 04-QĐ/HU

QUY ĐỊNH
về công tác quy hoạch cán bộ

Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;

Căn cứ Quy định số 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TU, ngày 20/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Hướng dẫn số 08-HD/BTCTU, ngày 25/4/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ;

Căn cứ Quy định số 02-QĐi/TU, ngày 31/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Căn cứ Quy định số 03-QĐ/HU, ngày 12/9/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy khoá VI, nhiệm kỳ 2020 – 2025,

Ban Thường vụ Huyện ủy quy định về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nguyên tắc, mục đích, yêu cầu, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực, thẩm quyền, trách nhiệm, phương pháp, tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi, cơ cấu, số lượng, quy trình, quản lý và công khai trong công tác quy hoạch cán bộ; áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Điều 2. Nguyên tắc

1. Bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy định của

Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, liên thông, công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trên cơ sở nêu cao trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát trong công tác quy hoạch cán bộ.

3. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông giữa các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở huyện với địa phương cơ sở và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

4. Quy hoạch cấp uỷ các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp uỷ làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp huyện.

5. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, công chức, viên chức; một cán bộ, công chức, viên chức quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

2. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

3. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

5. Thực hiện phương châm quy hoạch "động" và "mở". Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch:

Các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, bao gồm: Các chức danh thuộc diện các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch:

Đối tượng quy hoạch cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện căn cứ vào Phụ lục I (gồm Phụ lục 1A, 1B, 1C, 1D, 1E) để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch:

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch:

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ, giai đoạn theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Huyện uỷ

- Xây dựng, đề xuất, báo cáo và trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ; Bí thư, Phó bí thư Huyện uỷ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện.

- Phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Trưởng, phó các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện uỷ (***gọi chung là các ban của Huyện uỷ***), Trung tâm chính trị huyện; Ủy viên UBKT Huyện uỷ; Trưởng, phó các Ban của HĐND huyện; Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện và tương đương; Trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện; Ban Chấp hành, Ban Thường

vụ, Bí thư, Phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND các xã, thị trấn. Hiệp y quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn huyện.

- Ủy quyền cho Thường trực Huyện ủy hiệp y quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Đảng ủy các xã, thị trấn phê duyệt quy hoạch chức danh: Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội xã, thị trấn và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

Điều 6. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các Đảng ủy cơ sở, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị:

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, đề nghị cấp có thẩm quyền kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch (hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền) đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý (hoặc đề nghị xử lý) vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Huyện ủy:

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành các văn bản về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét, thẩm định phê duyệt quy hoạch các chức danh: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Bí thư, Phó bí thư Huyện ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện.

- Chủ trì, phối hợp với cấp ủy các tổ chức cơ sở đảng, cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên đưa vào quy hoạch các cấp ủy, cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, báo cáo trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý và chức danh phải lấy ý kiến thẩm định các Ban của Huyện ủy theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (*khi cần thiết hoặc theo yêu cầu*) để các cơ quan, địa phương, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các cơ quan, địa phương, đơn vị.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Huyện ủy và cơ quan liên quan:

- Phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy.

Điều 7. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 8. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện:

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

2. Về độ tuổi:

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 01 nhiệm kỳ kế tiếp đó (60 tháng), tuổi quy hoạch tính đến thời gian nghỉ hưu thực tế theo quy định. Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên (06 năm).

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch:

3.1. Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

3.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (*Ban Tổ chức Huyện ủy đối với trường hợp các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý; Đảng ủy các xã, thị trấn đối với chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, cấp trưởng, phó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn...*) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 9. Hệ số, số lượng và cơ cấu

1. Về hệ số, số lượng:

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu:

- Phân đầu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi đối với cấp huyện; dưới 35 tuổi đối với các xã, thị trấn) từ 15% trở lên.

- Tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch: Bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch từ 25% trở lên so với danh sách quy hoạch (*đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù, tỷ lệ nữ có thể từ 20% đến 25%*). Đồng thời, thực hiện chủ trương:

+ Cấp huyện nhất thiết phải có cán bộ nữ trong cơ cấu lãnh đạo (*Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND huyện; lãnh đạo các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện*).

+ Các xã, thị trấn: Đối với nơi có điều kiện phân đầu có cán bộ nữ trong cơ cấu lãnh đạo (*Ban Thường vụ cấp ủy, Thường trực HĐND, UBND*).

- Cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số: Ở những địa phương, đơn vị có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số ít nhất là 10% so với danh sách quy hoạch.

- Cơ cấu lĩnh vực, ngành nghề: Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đặc điểm của huyện và của từng xã, thị trấn.

Đối với các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ cán bộ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết phải có quy hoạch cán bộ lãnh đạo là nữ.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch: Gồm 2 quy trình:

1.1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ.

1.2. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 2.

2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục 3.

Điều 11. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch:

Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch, cụ thể:

(1) Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*), kèm theo quyết định và danh sách phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

(2) Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, thị trấn báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (*qua Ban Tổ chức Huyện ủy*), kèm theo quyết định và danh sách phê duyệt các chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, cấp trưởng, cấp phó của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các xã, thị trấn, để quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 12. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc chuyển công tác ra khỏi địa phương thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ các Quy định, Hướng dẫn về công tác quy hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo rà soát, thẩm định theo đúng quy định đối với các chức danh cấp trường, phó các phòng, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ban Tổ chức) xem xét, phê duyệt quy hoạch.

3. Ban Tổ chức Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này.

4. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Huyện ủy viên có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương được phân công phụ trách triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ.

5. Quy định về công tác quy hoạch cán bộ (kèm theo các phụ lục) có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế những văn bản trước đây có liên quan đến công tác quy hoạch cán bộ. /- *phục*

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo),
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ và các đoàn thể huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Các cơ quan của Huyện ủy,
- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Trung Kiên
Nguyễn Trung Kiên



PHỤ LỤC 1A

ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

Quy định số 04-QĐ/HU, ngày 3/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I- Quy hoạch chức danh Bí thư Huyện ủy

1. Đối tượng 1: Phó bí thư Huyện ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch chức danh Phó Bí thư Huyện ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; cấp trưởng (không phải Huyện ủy viên) các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III- Quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, các đồng chí này phải được quy hoạch Phó bí thư Huyện ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV- Quy hoạch chức danh Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

1. Đối tượng 1: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng (*không phải Huyện ủy viên*), cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy các xã, thị trấn được quy hoạch chức danh Bí thư (*nếu chưa tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện*).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.



PHỤ LỤC 1B
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ,
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

(Kèm theo Quy định số 64 - QĐ/HU, ngày 3/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I- Quy hoạch Ban Chấp hành đảng bộ huyện

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); Bí thư, phó Bí thư Đảng ủy các xã, thị trấn (*được quy hoạch chức danh bí thư*).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy các xã, thị trấn; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch Ban Thường vụ Huyện ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy các xã, thị trấn được quy hoạch chức danh Bí thư (*nếu chưa tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện*).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 1C
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUẢN LÝ
(Kèm theo Quy định số 04-QĐ/HU, ngày 3/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I- Quy hoạch chức danh cấp trưởng các phòng, ban, ngành (trừ các trường THCS, TH&THCS, Tiểu học, Mẫu giáo, Mầm non), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

1. Đối tượng 1: Cấp phó của các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đối với chức danh Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Công chức, viên chức (nguồn tại chỗ) của các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch cấp phó các phòng, ban, ngành (trừ các trường THCS, TH&THCS, Tiểu học, Mẫu giáo, Mầm non), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện

1. Đối tượng 1: Công chức, viên chức (nguồn tại chỗ) của các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Phó Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đối với chức danh Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Công chức, viên chức (nguồn nơi khác) của các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

Các đồng chí này phải còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên

đối với cả nam và nữ.

III- Quy hoạch Trưởng Ban của HĐND huyện

1. Đối tượng 1: Cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Công chức, viên chức của các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV- Quy hoạch Phó trưởng Ban của HĐND huyện

Đối tượng: Công chức, viên chức các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; cán bộ, công chức xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

V- Quy hoạch Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy

Đối tượng: Công chức của các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; cán bộ, công chức xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

VI- Quy hoạch chức danh Bí thư Đảng ủy xã, thị trấn

1. Đối tượng 1: Phó bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã, thị trấn; Cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó chủ tịch HĐND, Phó chủ tịch UBND xã, thị trấn; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên với cả nam và nữ.

VII- Quy hoạch chức danh Phó Bí thư Đảng ủy xã, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch HĐND, UBND xã, thị trấn; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn; công chức các Ban xây dựng Đảng của Huyện ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VIII- Quy hoạch chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, các đồng chí này phải được quy hoạch Phó bí thư đảng ủy; cấp phó các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IX- Quy hoạch chức danh Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn; công chức, viên chức các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

X- Quy hoạch chức danh Bí thư Đảng bộ Công an huyện

1. Đối tượng 1: Phó bí thư Đảng ủy Công an huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

XI- Quy hoạch chức danh Phó bí thư Đảng bộ Công an huyện

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công an huyện; Bí thư các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công an huyện.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

XII- Quy hoạch chức danh Phó bí thư Đảng bộ Quân sự huyện

Đối tượng: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

XIII- Quy hoạch chức danh Bí thư chi bộ cơ sở

1. Đối tượng 1: Phó bí thư chi bộ cơ sở; cấp trưởng, cấp phó (được quy hoạch cấp trưởng) các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Chi ủy viên chi bộ cơ sở (đối với chi bộ có chi ủy); cấp phó các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện; cấp trưởng các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

XIV- Quy hoạch chức danh Phó bí thư chi bộ cơ sở

1. Đối tượng: Chi ủy viên chi bộ cơ sở (đối với chi bộ có chi ủy); cấp phó các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện; cấp trưởng các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Công chức, viên chức các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội huyện; cấp phó các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.



PHỤ LỤC 1D

**ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CHỨC DANH HIỆU TRƯỞNG,
PHÓ HIỆU TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG THCS, TH&THCS, TIỂU HỌC,
MẦM NON, MẪU GIÁO TRỰC THUỘC UBND HUYỆN**
(Kèm theo Quy định số 04-QĐ/HU, ngày 3/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I- Quy hoạch chức danh Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, Tiểu học, Mẫu giáo, Mầm non

1. Đối tượng 1: Phó Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, Tiểu học, Mẫu giáo, Mầm non.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Tổ trưởng các Tổ chuyên môn, Trưởng các tổ chức đoàn thể của các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, Tiểu học, Mẫu giáo, Mầm non.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch chức danh Phó hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, Tiểu học, Mẫu giáo, Mầm non

Đối tượng: Viên chức của các trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở, Tiểu học, Mẫu giáo, Mầm non.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

PHỤ LỤC 1E
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN CHẤP HÀNH, BAN
THƯỜNG VỤ CÁC ĐẢNG BỘ, CHI BỘ CƠ SỞ
(Kèm theo Quy định số -QĐ/HU, ngày /6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn

1. Đối tượng 1: Cán bộ xã, thị trấn; Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trực thuộc xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên. Cán bộ thôn, tổ dân phố đưa vào quy hoạch Ban Chấp hành thì áp dụng độ tuổi như cán bộ, công chức, viên chức xã, thị trấn.

2. Đối tượng 2: Công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách xã, thị trấn (là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch Ban Thường vụ Đảng ủy xã, thị trấn

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, thị trấn.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trực thuộc; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ Công an huyện

1. Đối tượng 1: Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trực thuộc; cấp phó các đơn vị trực thuộc; Trưởng, phó các tổ chức đoàn thể; Trưởng Công an xã, thị trấn; các đối tượng khác theo quy định, hướng dẫn của ngành.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Chi ủy viên các chi bộ trực thuộc.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV- Quy hoạch Ban Thường vụ Đảng ủy Công an huyện

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công an huyện.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Bí thư, Phó bí thư chi bộ trực thuộc, cấp phó các đơn vị trực thuộc; Trưởng, phó các tổ chức đoàn thể; Trưởng Công an xã, thị trấn.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

V- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện

Đối tượng: Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trực thuộc; cấp phó các đơn vị trực thuộc và tương đương; Trưởng, phó các tổ chức đoàn thể; các đối tượng khác theo quy định, hướng dẫn của ngành.

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp; rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại thực hiện theo quy định, hướng dẫn của ngành.

VI- Quy hoạch Chi ủy chi bộ cơ sở (đối với chi bộ có chi ủy)

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; cấp trưởng các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 72 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; cấp phó các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.



PHỤ LỤC 2 QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Quy định số 04-QĐ/HU, ngày 3/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I- Quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Bước 1: Xây dựng kế hoạch triển khai và chuẩn bị nguồn cán bộ dự kiến phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; Ban Thường vụ Đảng ủy cơ sở, chi ủy chi bộ cơ sở, Bí thư, Phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy, tập thể lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

(1) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

(2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ, công chức, viên chức để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan, bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo, quản lý thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (2) Danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để trình các hội nghị xem xét, phát hiện, giới thiệu quy hoạch.

Thành phần:

- Đối với cấp huyện: Ban Thường vụ Huyện ủy.
- Đối với xã, thị trấn: Ban Thường vụ Đảng ủy xã, thị trấn.
- Đối với Đảng bộ Quân sự: Ban Chấp hành Đảng bộ.
- Đối với Đảng bộ Công an: Ban Thường vụ Đảng ủy.
- Đối với chi bộ cơ sở: Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư (nếu không có cấp ủy) và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.
- Đối với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị sự nghiệp cấp huyện và tương đương: Cấp ủy chi bộ, bí thư, phó bí thư chi bộ (nếu không có cấp ủy) và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

- Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội huyện: Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN, Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Bước 3: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nguồn quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) *Thành phần:*

- Đối với cấp huyện: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; Trưởng các phòng, ban, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; Bí thư, Phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã, thị trấn.

- Đối với xã, thị trấn: Ban Chấp hành Đảng bộ; Trưởng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Bí thư, Phó bí thư các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

- Đối với Đảng bộ Công an, Quân sự huyện: Tập thể lãnh đạo đơn vị, Ban Chấp hành Đảng bộ; Bí thư, Phó bí thư chi bộ trực thuộc; Trưởng, phó các đơn vị, bộ phận trực thuộc; Trưởng các đoàn thể đơn vị.

- Đối với chi bộ cơ sở: Đảng viên toàn chi bộ.

- Đối với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương: Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư (*nếu không có cấp ủy*); tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; Trưởng các đơn vị, bộ phận trực thuộc (*nếu có*); Trưởng các tổ chức đoàn thể của cơ quan.

- Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội huyện: Tập thể Ban chấp hành; cấp ủy đảng; cấp Trưởng các đoàn thể cơ quan.

Lưu ý: Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức dưới 30 người, phải tổ chức lấy phiếu của toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

(2) *Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu:* Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

(1) *Thành phần:*

- Đối với cấp huyện: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

- Đối với xã, thị trấn: Ban Chấp hành Đảng bộ; Trưởng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối với Đảng bộ Công an, Quân sự huyện: Ban Chấp hành Đảng bộ, tập thể lãnh đạo đơn vị; Trưởng, phó các đơn vị, bộ phận trực thuộc.

- Đối với chi bộ cơ sở: Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư (*nếu không có cấp ủy*) và tập thể lãnh đạo cơ quan.

- Đối với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương: Cấp ủy, Bí thư, Phó bí thư (*nếu không có cấp ủy*); tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; trưởng các đơn vị, bộ phận trực thuộc (*nếu có*).

- Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Tập thể Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN và cấp ủy cơ quan.

- Đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện: Tập thể Ban Thường vụ và cấp ủy cơ quan.

(2) *Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu*: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

5. Bước 5: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, địa phương, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3 và bước 4, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

II- Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm

1. Quy trình đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và đề xuất của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ (hoặc người đứng đầu), tập thể lãnh đạo chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch theo các bước sau:

(1) **Bước 1:** Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1) xem xét, thông qua danh sách bổ sung quy hoạch để lấy ý kiến tại các hội nghị và bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Nguyên tắc đưa ra khỏi quy hoạch: Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến phát hiện, giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(3) **Bước 3:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng.

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tập thể lãnh đạo mở rộng tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, địa phương, đơn vị và kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2 và bước 3, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

2. Quy trình đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

(1) **Bước 1:** Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch.

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ đạo thực hiện các công việc sau: (1) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (*trong quy hoạch và ngoài quy hoạch*); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà cơ quan, địa phương, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (2) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

(2) **Bước 2:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1).

Trên cơ sở nguồn nhân sự, hội nghị thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác.

(3) **Bước 3:** Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác.

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

(4) **Bước 4:** Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50%, thì giao cho người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
 - Thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch tương tự như thành phần hội nghị ở các bước trong quy trình xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp.
 - Kết quả biểu quyết giới thiệu tại bước 5 (xây dựng quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp) và ở bước 4 (rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm) được công bố tại hội nghị tập thể lãnh đạo. Đối với kết quả kiểm phiếu phát hiện, giới thiệu ở các bước còn lại không công bố tại hội nghị tương ứng.
-

PHỤ LỤC 3 DANH MỤC HỒ SƠ QUY HOẠCH

(Kèm theo Quy định số ~~04~~ QĐ/HU, ngày 3/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

I. Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch (theo mẫu)

1. Tờ trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch.
2. Biên bản hội nghị và các biên bản kiểm phiếu giới thiệu quy hoạch; bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước.
3. Danh sách cán bộ quy hoạch các chức danh, có kèm theo bảng phân tích chất lượng quy hoạch cán bộ.
4. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch.
5. Báo cáo kết quả quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031.

II. Danh mục hồ sơ nhân sự quy hoạch (theo mẫu)

Cá nhân các đồng chí trong quy hoạch lập 04 bộ hồ sơ (03 bộ gửi cho cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; một bộ lưu tại cơ quan, đơn vị quy hoạch), **thống nhất khổ giấy A4** và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Sơ yếu lý lịch theo quy định hiện hành, do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6.
2. Nhận xét, đánh giá của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
3. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
4. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai vào từng trang theo quy định).
5. Bản sao có giá trị pháp lý các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).
6. Quyết định bổ nhiệm vào ngạch đối với công chức; quyết định bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (áp dụng quy hoạch các chức danh: Trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp...).

* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu trên không quá 6 tháng, tính đến thời điểm xem xét.

